

BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2016-2020  
**VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI  
NÔNG THÔN MỚI TRUNG ƯƠNG**

Số: **785** /VPĐP-NV&MT  
V/v đăng ký mô hình tham gia Chương trình  
Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn  
thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong  
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **05** tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG các tỉnh, thành phố  
trực thuộc Trung ương

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về  
nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự  
toán ngân sách nhà nước năm 2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang  
phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng Chương trình Tăng cường  
bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng  
nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Để đảm bảo thực hiện hiệu quả nội dung  
Chương trình, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hoá của từng địa  
phương, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương đề nghị Ban Chỉ đạo các  
Chương trình MTQG các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Căn cứ dự thảo các nội dung chính của Chương trình và thực trạng, nhu  
cầu, điều kiện thực tế của tỉnh, thành phố, đăng ký mô hình tham gia thực hiện  
Chương trình (*đặc biệt là các mô hình cần được hỗ trợ từ ngân sách trung  
ương*), trong đó, ưu tiên cho các nội dung: Cấp nước sạch tập trung tại các vùng  
khó khăn về nguồn nước; xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư; xử lý chất thải  
làng nghề; phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn; đảm bảo an toàn thực phẩm  
hàng nông lâm thủy sản; xử lý tập trung đối với chất thải rắn sinh hoạt; xử lý  
bao gói thuốc bảo vệ thực vật; cải tạo và khôi phục cảnh quan nông thôn; đảm  
bảo vệ sinh hộ gia đình; xử lý chất thải nông nghiệp.

Văn bản chính thức đề nghị gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới  
Trung ương, số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội và thư điện tử:  
nghepvuntm@gmail.com **trước ngày 22/10/2021** để tổng hợp./.

(Thông tin chi tiết, xin liên hệ với đ/c Tô Thúy Nga, Văn phòng Điều phối nông  
thôn mới Trung ương, ĐT: 0902.121.982).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thứ trưởng Trần Thanh Nam (để b/c);
- VPĐP NTM các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, NV&MT. (20)



**Nguyễn Minh Tiến**

## PHỤ LỤC I.

### **Các nội dung chính của Chương trình Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**

*(Kèm theo Công văn số 785 /VPĐP-NV&MT ngày 05/10/2021 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương)*

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Thực hiện hiệu quả nội dung vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; đảm bảo môi trường, cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; góp phần bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, đưa nông thôn thành nơi đáng sống.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025**

- Về nước sạch: 75% số hộ dân nông thôn ở các vùng có điều kiện thuận lợi và 40% số hộ dân nông thôn ở các vùng có điều kiện khó khăn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày.

- Về thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Ít nhất 50% số hộ nông thôn triển khai các giải pháp phân loại tại nguồn; 80% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý; mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai 1-2 mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện hoặc liên huyện với công nghệ phù hợp.

- Về xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn: 80% số xã có phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt; 10-15% số hộ nông thôn có nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp, hiệu quả; 50% số đơn vị cấp huyện có triển khai mô hình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phi tập trung theo cụm hoặc theo khu vực phù hợp, hiệu quả.

- Về chất thải, phụ phẩm nông nghiệp: 80% chất thải phát sinh từ các hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm phải được thu gom, tái sử dụng, chế biến làm phân compost, biogas và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; 60% các phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường; 50% số huyện có mô hình tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường ở các quy mô phù hợp; 80% lượng chất thải nhựa phát sinh trong sản xuất nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý.

- Về quản lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật: 100% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được thu gom và xử lý theo đúng quy định. 50% số đơn vị cấp huyện có triển khai mô hình xử lý rác thải nguy hại theo cụm hoặc khu vực phù hợp, hiệu quả.

- Về bảo vệ môi trường làng nghề: 100% chất thải rắn của các làng nghề truyền thống được thu gom và xử lý theo quy định; 50% làng nghề truyền thống có phát sinh nước thải được đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo quy định; 100% làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường.

- Về cải tạo và xây dựng cảnh quan nông thôn: Ít nhất 35% số huyện có đề án cải tạo chất lượng môi trường nước mặt khu vực công cộng và được triển khai thực hiện; ít nhất 50% số ao, hồ công cộng nằm trong khu dân cư nông thôn được theo dõi diễn biến chất lượng nước và được cải tạo cảnh quan, khôi phục chất lượng môi trường nước khi bị ô nhiễm; 35% số xã có mô hình xây dựng hoặc cải tạo cảnh quan ao hồ.

- Về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản: Tỷ lệ cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản áp dụng thực hành sản xuất tốt (GMP), hệ thống quản lý chất lượng HACCP hoặc tương đương tăng 10%/năm đối với nông sản và 15%/năm đối với thủy sản; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Về công tác vệ sinh: 85% hộ gia đình nông thôn và 100% trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh được xây dựng và quản lý sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; đảm bảo nhà vệ sinh có tiếp cận cho người khuyết tật tại trường học, trạm y tế; cấp độ hộ gia đình: vận động các hộ gia đình xây dựng nhà vệ sinh có tiếp cận cho người khuyết tật tại hộ gia đình.

## II. PHẠM VI THỰC HIỆN

1. **Thời gian:** Từ năm 2022 đến năm 2025.

2. **Không gian:** Triển khai trên phạm vi toàn quốc.

## III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Chương trình tập trung vào 09 lĩnh vực trọng tâm, gồm: (1) cấp nước sạch nông thôn, (2) chất thải rắn sinh hoạt, (3) nước thải sinh hoạt, (4) chất thải và phụ phẩm nông nghiệp, (5) bao gói thuốc bảo vệ thực vật, (6) Bảo vệ môi trường làng nghề, (7) cảnh quan môi trường nông thôn và (8) an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản. (9) vệ sinh môi trường.

1. Về cấp nước sạch nông thôn, tập trung vào các nội dung: (i) rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung cấp nước sạch nông thôn vào quy hoạch nông thôn mới, đảm bảo cấp nước sinh hoạt nông thôn bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, suy thoái nguồn nước; (ii) đầu tư các mô hình cấp nước tập trung với quy mô, công nghệ, mức độ hỗ trợ theo đặc thù của từng địa bàn, gồm: đầu tư mới đồng bộ các hạng mục tạo nguồn nước, trạm xử lý nước và tuyến ống truyền tải, đầu nối sử dụng nước; cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sạch tập trung đã có; (iii) hỗ trợ kỹ thuật và thiết bị đối với các công trình cấp nước sạch quy mô hộ gia đình.

2. Về chất thải rắn sinh hoạt, triển khai thực hiện các nội dung: (i) phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình (*hỗ trợ kỹ thuật, trang thiết bị, chế phẩm sinh học*); (ii) tổ chức mạng lưới thu gom triệt để và hiệu quả thông qua việc hình thành và hoàn thiện các tổ, đội, hợp tác xã vệ sinh môi trường, quy hoạch và đầu tư

tư hạ tầng điểm tập kết, điểm trung chuyển chất thải đảm bảo yêu cầu về môi trường; (iii) hoàn thiện và triển khai mô hình liên kết thị trường để thu hồi, sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm tái chế, tái sử dụng từ chất thải; (iv) đầu tư xây dựng các mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô liên xã, huyện hoặc liên huyện; (v) xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường và tái sử dụng đất bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi dừng hoạt động, đóng cửa và bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh hoặc tự phát.

3. Về nước thải sinh hoạt, tập trung vào các nội dung: (i) xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt cho các xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng; (ii) xây dựng và nhân rộng các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn có quy mô, công nghệ phù hợp với đặc thù của từng địa phương; (iii) thí điểm các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn áp dụng công nghệ sinh thái, chi phí thấp; mô hình thu phí xử lý nước thải sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn.

4. Về chất thải và phụ phẩm nông nghiệp, triển khai các nội dung: (i) xây dựng và nhân rộng các mô hình xử lý chất thải và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn chất thải cho mục đích sản xuất nông nghiệp; (ii) xây dựng mô hình thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi để hình thành thị trường trao đổi chất thải hoặc chuyển giao cho đơn vị sản xuất các loại phân hữu cơ; (iii) xây dựng và nhân rộng mô hình thay thế nhựa trong sản xuất nông nghiệp; mô hình thu gom, phân loại, cung ứng nhựa làm vật liệu tái chế.

5. Về bao gói thuốc bảo vệ thực vật, triển khai các nội dung: (i) đầu tư trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện thu gom, lưu trữ và vận chuyển bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đảm bảo không phân tán ra môi trường; (ii) hoàn thiện và nhân rộng các mô hình thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng theo địa bàn cụ thể phù hợp với điều kiện từng địa phương; (iii) xây dựng các mô hình thí điểm ứng dụng công nghệ về xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng thành chất thải thông thường.

6. Về bảo vệ môi trường làng nghề, triển khai các nội dung: (i) hỗ trợ đầu tư, nâng cấp các hệ thống xử lý chất thải tại cơ sở sản xuất quy mô hộ gia đình trong làng nghề truyền thống; (ii) đầu tư, nâng cấp, xây dựng và vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn phù hợp với từng loại hình làng nghề truyền thống; (iii) xây dựng mô hình khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng; (iv) xử lý ô nhiễm các khu vực làng nghề đã bị ô nhiễm nghiêm trọng sau khi di dời cơ sở sản xuất.

7. Về cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn, triển khai các nội dung: (i) xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện đề án cấp huyện về cải tạo chất lượng và cảnh quan môi trường nước mặt khu vực cộng đồng; (ii) xây dựng và nhân rộng các mô hình cải tạo cảnh quan; tăng cường trồng cây xanh tại các khu vực cộng đồng, tuyến đường giao thông; gắn xây dựng cảnh quan với phát triển du lịch nông thôn và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; (iii) thí điểm mô hình xã hội hóa về cải tạo và xây dựng cảnh quan nông thôn đa chức năng theo hướng xã hội hóa.

8. Về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, triển khai thực hiện các nội dung: (i) xây dựng các mô hình sản xuất tập trung các sản phẩm chủ lực của địa phương theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm; (ii) xây dựng mô hình về thực hành nông nghiệp tốt hoặc nông nghiệp hữu cơ; (iii) các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao có đề án sản xuất nông nghiệp hữu cơ được phê duyệt; (iv) tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức và vận động người dân, hộ gia đình cam kết tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

9. Về vệ sinh môi trường triển khai thực hiện các nội dung: (i) từng bước xóa bỏ nhà tiêu không hợp vệ sinh, chấm dứt đi vệ sinh ngoài trời, chú trọng vệ sinh an toàn cho phụ nữ và các đối tượng dễ bị tổn thương, tiếp cận vệ sinh cho người khuyết tật; (ii) hoàn thiện, phổ biến và nhân rộng các mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; (iii) thực hiện các giải pháp quản lý, thu gom, xử lý bùn thải từ bể phốt hộ gia đình và các công trình vệ sinh trường học, bệnh viện, công cộng đảm bảo vệ sinh môi trường, sức khỏe cho người dân nông thôn.

## PHỤ LỤC II.

**Các nội dung đề xuất mô hình thí điểm thuộc Chương trình Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**

*(Kèm theo Công văn số /VPĐP-NV&MT ngày /10/2021 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương)*

1. Tên mô hình
2. Sự cần thiết phải xây dựng mô hình
3. Địa điểm thực hiện
4. Đơn vị dự kiến triển khai thực hiện mô hình
5. Dự kiến quy mô và tổng mức đầu tư xây dựng mô hình, trong đó làm rõ cơ cấu nguồn vốn thực hiện mô hình
6. Mô tả chi tiết về mô hình
7. Phương án huy động vốn đối ứng của địa phương *(bao gồm ngân sách địa phương, cộng đồng)*.